

Bản án số: 40/2021/HS-PT

Ngày: 31-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Năm.

- *Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thu Phương.
Bà Trần Thị Bé.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quảng Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*
Ông Lương Thanh Tú – Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 42/2021/TLPT-HS ngày 03/02/2021 đối với bị cáo Nguyễn Bảo D, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 83/2020/HSST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: Nguyễn Bảo D, tên gọi khác: không; sinh ngày: 28/7/1987 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn Năng Tây X, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha: không xác định và con bà Nguyễn Thị M; vợ, con: chưa có;

Tiền án: Ngày 02/6/2010, bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi kết án 08 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, đến ngày 30/01/2016, chấp hành xong hình phạt tù; ngày 11/3/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kết án 06 năm tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, hiện đang chấp hành án tại Trại giam K, tỉnh Bình Định.

Tiền sự: không;

Về nhân thân: Ngày 05/02/2007, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đưa vào trường giáo dưỡng theo quyết định số 287/QĐ – UBND (NC) thời gian 24 tháng đến ngày 05/02/2009 chấp hành xong.

Bị cáo đang thi hành án trong một vụ án khác, có mặt tại phiên tòa;

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Trần Anh T, L sư của Văn phòng L sư C, thuộc đoàn L sư tỉnh Quảng Ngãi, là người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Nguyễn Bảo D, có mặt tại phiên tòa;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Bùi Nguyên L (tên gọi khác: T), sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Tổ X, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

2. Chị D Thị Kim H, sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; vắng mặt;

3. Anh Võ Tuấn H; sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị M; sinh năm: 1956;

Nơi cư trú: tổ X (tổ XX), phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

2. Anh Nguyễn Xuân T; sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt;

3. Bà Nguyễn Thị D; sinh năm: 1995;

Hộ khẩu thường trú: Tổ X, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

Tạm trú: Tổ X (tổ XX cũ), phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

4. Anh Nguyễn Mậu T; sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: Thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

5. Ông Ngô C; sinh năm: 1942;

Nơi cư trú: Tổ X (tổ XX cũ), phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

6. Chị Trần Thị Minh H; sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: Tổ XX, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt;

7. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1971; trú tại: Thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt;

- *Điều tra viên điều tra vụ án:* Ông Đặng Thành C – địa chỉ công tác: Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố Q; có mặt;

- *Người chứng kiến:* Ông Lê Hồng N – địa chỉ công tác: Công an phường C, thành phố Q; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 00 phút ngày 03/8/2018, Đội cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Q phối hợp với Công an phường C, thành phố Q kiểm tra tại phòng trọ số X, khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị M thuộc tổ XX, phường C, thành phố Q phát hiện Nguyễn Bảo D và Nguyễn Thị Kim H đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ gồm:

- 01 (một) loa nhựa màu xám (đã hỏng), kích thước (17x18x7)cm, bên trong loa nhựa có chứa:

- + 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (11x7)cm có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng (phong bì số X);

- + 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (8x5)cm có chứa nhiều viên nén màu xanh (do nhiều viên bị vỡ nên không xác định được số lượng cụ thể) (phong bì số 2);

- + 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (14x5x5,9)cm có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng (phong bì số 3).

- 01 (một) hộp gỗ có kích thước (30x18x12,5)cm, bên trong hộp gỗ có chứa:

- + 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (7x4)cm có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng (phong bì số 4);

- + 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (7x4)cm có chứa 04 (bốn) viên nén màu xanh (phong bì số 5);

- + 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (7x4)cm bên trong có chứa 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (3x2,5)cm có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng (phong bì số 6).

- 01 (một) túi xách màu đen bên trong có 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước (7x4)cm bên trong túi nilon có chứa một tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 2.000đ (hai nghìn đồng) có gói nhiều hạt tinh thể màu trắng mà H khai là ma túy “Khay” (phong bì số 7).

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 59P1 – XXXXX nhãn hiệu Suzuki màu đỏ - đen, số máy F124 – 140111, số khung PMSRU – 120UYA4011 (không kiểm tra chất lượng bên trong).

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 76G1 – XXXXX, nhãn hiệu Suzuki màu trắng – xanh, số máy E432VN179387, số khung RLSBE49L050179387 (không kiểm tra chất lượng bên trong);

- 01 (một) cân tiểu li bằng kim loại kích thước (12x10x2)cm;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu xám;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đen;

- 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen;

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 7.000.000đ (bảy triệu đồng);
- 01 (một) cây dao bằng kim loại cán dao dài 56 cm, lưỡi kim loại dài 50cm, rộng 7cm;
- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên D Kim H;
- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Quang T;
- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 59P1 – 55789 mang tên Đoàn Văn D;
- 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Bảo D;
- 01 (một) ba lô màu đen bên trong có chứa 01 máy tính xách tay hiệu DELL, 01 (một) camera hiệu Alhwa, 01 (một) đầu ghi camera và 02 (hai) đoạn dây điện màu đen.

Theo kết luận giám định số: 763/KLGD – PC54 ngày 07/8/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, kết luận:

- Chất rắn, dạng hạt tinh màu trắng bên trong phong bì thứ nhất (số 01) có khối lượng là 2,690 gam; có Ketamine; hàm lượng Ketamine là 57%. Do đó, khối lượng Ketamine tinh chất có trong 2,690 gam mẫu gửi giám định là 1,533 gam.

- Mẫu viên nén màu xanh bên trong phong bì thứ hai (số 02) có khối lượng là 19,560 gam, không có thành phần chất ma túy hay tiền chất.

- Chất rắn, dạng hạt tinh thể bên trong phong bì thứ ba (số 03) có khối lượng là 51,027 gam; có Methamphetamine; hàm lượng Methamphetamine là 72,3%. Do đó, khối lượng Methamphetamine tinh chất có trong 51, 027 gam mẫu gửi giám định là 36,892 gam.

- Chất rắn, dạng tinh thể màu trắng bên trong phong bì thứ bốn (số 04) có khối lượng là 1,388 gam; có Methamphetamine; hàm lượng Methamphetamine là 72,1%. Do đó, khối lượng Methamphetamine tinh chất có trong 1,388 gam mẫu gửi giám định là 1,00 gam.

- Mẫu viên nén màu xanh bên trong phong bì thứ năm (số 05) có khối lượng là 1,575 gam, không có thành phần chất ma túy hay tiền chất.

- Chất rắn, dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong phong bì thứ sáu (số 06) có khối lượng là 0,778 gam; có Ketamine; hàm lượng Ketamine là 56,3%. Do đó, khối lượng Ketamine tinh chất có trong 0,778 gam mẫu gửi giám định là 0,438 gam.

- Chất rắn, dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong phong bì thứ bảy (số 07) có khối lượng là 0,107 gam; không có thành phần chất ma túy hay tiền chất.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định số 73/2018/NĐ – CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 35, Nghị định số 73/2018/NĐ – CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Như vậy, khối lượng Methamphetamine là 37,892 gam và khối lượng Ketamine là 1,971 gam. Vậy tổng khối lượng Methamphetamine và Ketamine thu giữ khi bị bắt quả tang là 38,549 gam.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 83/2020/HS-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Bảo D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: điểm h khoản 3 Điều 249; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và khoản 1 Điều 56 của Bộ L hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bảo D 12 (mười hai) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 06 năm tù bị cáo Nguyễn Bảo D phải chấp hành theo quyết định tại bản án số 03/2019/HS – PT ngày 11-3-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Buộc bị cáo Nguyễn Bảo D phải chấp hành hình phạt chung là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/8/2018 và được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2018 đến ngày 22/5/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo L định.

Ngày 24/12/2020, bị cáo Nguyễn Bảo D có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan, vì địa điểm nhà trọ mà Công an thu giữ ma túy không phải là của bị cáo thuê mà của người khác thuê và ma túy thu giữ không phải của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Bảo D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phần kết luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị: Quá trình điều tra vụ án có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như việc khám nghiệm hiện trường chưa làm rõ cách thức thu giữ ma túy; biên bản thu giữ đồ vật tài liệu ghi thu giữ cái loa nhựa màu trắng, nhưng trong biên bản phạm tội quả tang lại thu giữ cái loa nhựa màu xám; hoạt động đối chất tiến hành trước khi nhận dạng; lời khai của những người làm chứng còn có nhiều mâu thuẫn, không thống nhất; việc xác định loa vi tính, hộp gỗ trong phòng thuộc sở hữu của ai cũng điều tra chưa đầy đủ... Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ L tố tụng hình sự năm 2015. Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 83/2020/HS-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để điều tra lại theo thủ tục chung.

Luận cứ bào chữa của L sư Trần Anh T cho bị cáo Nguyễn Bảo D: Quá trình điều tra có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự như biên bản bắt người phạm tội quả tang không có tin báo về tội phạm, không có lệnh khám xét nhưng Công an lại khám xét, lục soát tại phòng trọ số X là không có cơ sở; lập biên bản thu giữ số tiền 2.200.000 đồng của bị cáo Nguyễn Bảo D bỏ vào tH chứa ma túy; che dấu đối tượng Võ Tuấn H là người thuê phòng trọ số X để quy kết Nguyễn Bảo D là người thuê phòng; tiến hành đối chất trước sau đó nhận dạng; cố tình kéo dài thời hạn điều tra bổ sung; hồ sơ vụ án có chỉnh sửa về biên bản nhận

dạng. Về nội dung Cơ quan điều tra chưa xác định nhân thân, lai lịch của người thanh niên lạ mặt giao phòng cho D Kim H vào đêm ngày 02/8/2018; lời khai của những người làm chứng còn nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ. Do những sai sót trên chưa đủ căn cứ để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Bảo D, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 13 Bộ L tố tụng hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 83/2020/HS-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tuyên bị cáo Nguyễn Bảo D không phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; yêu cầu Cơ quan điều tra xác minh làm rõ đối tượng lạ mặt ở tại phòng trọ số X vào ngày 02/8/2018; khởi tố vụ án làm sai lệch hồ sơ vụ án và hành vi khai báo gian dối của bà Nguyễn Thị M, chị Trần Thị Minh H, bà Nguyễn Thị D, ông Ngô C, anh Nguyễn Mậu T, chị D Thị Kim H, anh Nguyễn Xuân T.

Bị cáo Nguyễn Bảo D thống nhất với luận cứ bào chữa của L sư Trần Anh T và không có bổ sung gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại cấp sơ thẩm bị cáo Nguyễn Bảo D khai ma túy thu giữ tại phòng trọ số X của ai bị cáo không biết vì phòng trọ này không phải của bị cáo thuê mà bị cáo chỉ đến chơi. Khi Công an thu giữ ma túy như thế nào, vị trí ở đâu bị cáo cũng không biết. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai khi Công an kiểm tra tại phòng trọ số X có sử dụng tua vít sửa xe của bị cáo để ở trong phòng mở loa vi tính (loa nhỏ) và lấy từ trong loa ra nhiều túi ni lông bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng, còn khi Công an kiểm tra hộp gỗ như thế nào thì bị cáo không biết. Như vậy lời khai của bị cáo, tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm mâu thuẫn về cách thức thu giữ ma túy, vị trí cất giấu ma túy.

[2] Trong biên bản thu giữ vật chứng thể hiện Cơ quan điều tra thu giữ trong túi xách màu đen của D Kim H (người yêu của D) có 01 túi nilông bên trong chứa tờ 2.000 đồng được gói lại bên trong tờ tiền chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng (H khai là ma túy khay), nhưng trong biên bản khám nghiệm hiện trường Cơ quan điều tra thu giữ tờ 2.000 đồng được gói lại bên trong tờ tiền chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng được để trong 01 hộp gỗ có kích thước (30x18x12,5) cm.

[3] Đối với số tiền 2.200.000 đồng của Nguyễn Bảo D được để trong ví da nhưng khi khám nghiệm hiện trường Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ vật chứng và mô tả số tiền được thu giữ trong hộp gỗ. Nội dung trên anh Lê Hồng N Công an phường C đã giải trình ngày 06/7/2020 (BL 534A) là “*Khi tôi kiểm tra phát hiện có chất nghi là ma túy và tiền Việt Nam đồng để trong tH gỗ nên tôi yêu cầu kiểm tra tài sản của D và H. Khi kiểm tra túi xách của H thì H không thừa nhận là túi xách của H, tôi phát hiện có 01 tờ 2.000đồng được quấn lại bên trong có chất màu trắng nghi là ma túy, đồng thời tài sản của D 2.200.000đồng. Vì số lượng ma túy nhiều và tôi nghĩ tất cả tài sản trong phòng này là của D và H nên tôi gom tờ tiền 2.000 đồng và số tiền cá nhân của D bỏ vào trong tH gỗ có chứa ma túy và tiền, mục đích là để kiểm soát tránh thất lạc*”.

Như nhận định tại các mục [1], [2], [3] thì thấy, lời khai của bị cáo Nguyễn Bảo D mâu thuẫn, chưa thống nhất và việc khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng của vụ án chưa được mô tả cụ thể, chính xác vị trí của ma túy, tiền khi thu giữ và nhất là phương pháp thu giữ ma túy trong loa vi tính và trong hộp gỗ. Mặt khác, tài liệu có trong hồ sơ vụ án không thể hiện sự có mặt, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của anh Lê Hồng N khi kiểm tra, thu giữ vật chứng nhưng anh Nam lại có bản giải trình về việc kiểm tra, thu giữ vật chứng trong vụ án, nên cần điều tra làm rõ.

[4] Vào lúc 7 giờ 10 ngày 04/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q lập biên bản đối chất giữa bà Nguyễn Thị M với Nguyễn Bảo D (BL 53), sau đó vào lúc 8 giờ 10 phút ngày 04/8/2018 lại lập biên bản cho bà Nguyễn Thị M nhận dạng (qua người) đối với Nguyễn Bảo D, kết quả bà M nhận dạng được D (BL 102). Việc nhận dạng này không đảm bảo trình tự về việc nhận dạng, người đưa ra nhận dạng ít nhất phải là ba người và có đặc điểm tương tự nhau, nhưng tại biên bản nhận dạng chỉ có một mình bị cáo Nguyễn Bảo D được đưa ra nhận dạng, ngoài ra việc nhận dạng cũng không mô tả rõ lý do vì sao bà M lại nhớ người thuê phòng trọ là D, đặc điểm, hình dáng gì của D khiến bà M nhớ cũng chưa được thể hiện rõ. Quá trình nhận dạng chưa thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng vẫn sử dụng làm căn cứ xác định lời khai bà M về việc D là người thuê phòng trọ số X là không đúng quy định tại Điều 190 Bộ L tố tụng hình sự.

Biên bản nhận dạng lúc 15h ngày 09/8/2018 (BL 131) do Nguyễn Mậu T nhận dạng qua ảnh. Kết quả: T nhận dạng được Nguyễn Bảo D là người trong ảnh số 04 sau đó trong biên bản được sửa từ số 04 thành số 02 nhưng phần trình bày của người nhận dạng vẫn xác định D là người trong ảnh thứ 4 là có mâu thuẫn với nhau, ai là người sửa kết quả nhận dạng, lý do vì sao có sự mâu thuẫn giữa kết quả nhận dạng và tại phần trình bày của người nhận dạng cũng chưa được làm rõ.

[5] Lời khai của D Kim H lúc 8h30 ngày 06/8/2018 *“Phòng trọ mà tôi ở từ 24h đêm 02/8/2018 đến 11h ngày 03/8/2018 tôi không biết của ai và do ai thuê, tôi chỉ đến đây khoảng 03 lần”* (BL 94). Tuy nhiên, nội dung lời khai này của H mâu thuẫn với khai lúc 8h30 ngày 29/5/2020 *“Trước đây tôi có đến phòng trọ này 2-3 lần do D chở, những lần đến tôi đều ở ngoài nên không biết trong phòng có đồ vật gì cả”* (BL 527).

Anh Bùi Nguyên L khai: lúc 14h30 ngày 18/6/2019 *“Từ đầu tháng 7/2018 đến ngày 03/8/2018 tôi đến phòng trọ số XX của bà M khoảng 4 lần do D rủ tôi đến, lúc đầu đến tôi có gặp H còn các lần sau tôi không gặp H nữa nhưng có gặp người tên C”* (BL 316). Tại Biên bản phiên tòa ngày 08/12/2020, L khai: *“Lúc đem xe đến gửi cho D sửa thì có 01 người thanh niên trong phòng nhưng tôi không biết ai”*.

Anh Nguyễn Mậu T khai: lúc 8h ngày 06/8/2018 *“Phòng trọ số XX do 01 người thanh niên thuê đầu tháng 7/2018. Thanh niên này thường đi xe màu đỏ đen có tiếng bô nổ rất to, người thanh niên hay sửa xe trước cửa nhà, thỉnh thoảng tôi mới thấy người phụ nữ xuất hiện ở phòng trọ số XX, người phụ nữ bị bắt tôi nhớ mang máng chứ không chính xác”* (BL 124).

Ông Ngô C khai: lúc 8h ngày 05/8/2018 “Theo tôi biết 02 đối tượng này mới đến thuê phòng trọ bà M từ 15-20 ngày, mới về họ cũng không quan hệ với ai xung quanh. Người phụ nữ thỉnh thoảng tôi mới gặp” (BL 121).

Bà Nguyễn Thị D khai: lúc 9h40 ngày 05/8/2018 “Họ ở đây không tiếp xúc với người xung quanh, người nữ thì thỉnh thoảng tôi mới thấy. còn người thanh niên tôi thấy ra vào phòng trọ thường xuyên có 3-4 lần mở khóa có người phụ nữ kia” (BL 118).

Anh Nguyễn Quang T (C) khai: lúc 9h ngày 24/12/2019 “Khi D rủ tôi đến phòng trọ của D chơi thì tôi đến phòng trọ này chơi được khoảng 03 đến 04 lần. Khi tôi đến chỉ có D và bạn gái của D” (BL 397). Có lúc T lại khai “Tôi đến phòng trọ của D chơi được khoảng 03 đến 04 lần. Khi tôi đến chỉ có D, ngoài ra không có ai khác” (BL 515B).

Bị cáo Nguyễn Bảo D khai: lúc 14h ngày 02/12/2019 “Tôi đến phòng trọ của H khoảng 4 lần, cụ thể từng lần tôi không nhớ. Khi đến tôi đi chung với H, T (ở TT S), H, C, R (tên và nhà ở cụ thể tôi không biết, chỉ biết ở Bình Sơn). Trong đó tôi gặp H 02 lần lúc đó tôi đi chung với H, C, lần 2 tôi đi chung với C, R” (BL 392); và khai lúc 8h30 ngày 03/7/2020. “Việc T đến phòng trọ số XX ở là do tôi dẫn T đến. Khi L gửi xe thì gọi cho tôi, tôi chỉ chỗ để chìa khóa và L đem xe tới để nhờ tôi sửa”. (BL 512).

Theo như lời khai của chị H, anh T, anh L, anh T, ông C, bà D và bị cáo Nguyễn Bảo D thì phòng trọ số XX ngoài Nguyễn Bảo D đến ở thì có nhiều người khác cũng đến ở. Bị cáo Nguyễn Bảo D thì khẳng định chất ma túy mà Công an thu giữ tại phòng trọ số XX vào ngày 03/8/2018 không phải của bị cáo mà của ai bị cáo không biết. Tuy nhiên, sau khi Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung ngày 29/01/2019 thì đến ngày 08/4/2019, anh Nguyễn Xuân T viết bản tường trình và trình bày, vào đêm ngày 03/8/2018 khi D về thì anh thấy một người thanh niên từ trong phòng trọ số X đi ra. Tại phiên tòa ngày 08/5/2019, anh T khai “tôi đi làm về khoảng 17 giờ thấy có một người ở trong phòng số X hút thuốc, tối hôm đó anh D có đến phòng trọ, tôi đứng ở cửa chính ngó ra ngoài thấy có một người ở trong phòng đi ra”. Ngày 14/5/2020, anh Nguyễn Xuân T viết bản tự khai và trình bày, sở dĩ ngày 08/4/2019, tôi cung cấp bản tự khai có nội dung thấy một người thanh niên từ trong phòng trọ số X đi ra là không đúng sự thật, vì ngày 08/4/2019, Luật sư T và bà Nguyễn Thị L (là chị ruột của D) có đến nhà tôi. Tại đây, Luật sư T có hướng dẫn cho tôi viết nội dung như trên để gửi cho Tòa án và đến ngày 08/5/2019, trước khi xét xử mẹ của D, vợ chồng bà L và Luật sư T dặn tôi khai đúng như hướng dẫn trước đây là “thấy có người thanh niên từ phòng trọ đi ra”.

Lời khai trên của Nguyễn Xuân T là một trong các chứng cứ để xem xét, xác định số lượng ma túy được thu giữ trong phòng trọ số XX là của bị cáo hay của người khác và là căn cứ để xác định phòng trọ số XX ngoài bị cáo còn có người khác đến ở. Nhưng Cơ quan điều tra chưa tiến hành lấy lời khai đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị L, mẹ đẻ bị cáo D, chưa làm việc với Luật sư T để xác định có hay không có việc Nguyễn Xuân T khai Luật sư T hướng dẫn, để xác định lời khai nào

của Nguyễn Xuân T là đúng, lời khai nào là không đúng, việc hướng dẫn Nguyễn Xuân T khai nhằm mục đích gì, là điều tra chưa đầy đủ.

Mặt khác, như phân tích ở trên, phòng trọ số XX này, ngoài Nguyễn Bảo D đến ở thì trước đó có H ở và mua sắm vật dụng trong phòng, tiếp đến còn có nhiều người khác đến chơi, nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ số tài sản có trong phòng là của ai, có phải của Nguyễn Bảo D hay không nhưng lại nhận định loa vi tính và hộp gỗ của Nguyễn Bảo D là mang tính chủ quan, chưa thuyết phục.

[6] Những vi phạm tố tụng, điều tra chưa đầy đủ trên không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 83/2020/HS-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Chuyển hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung.

[7] Do hủy bản án hình sự sơ thẩm nên yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được Hội đồng xét xử xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[9] Đề nghị của L sư Trần Anh T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Bảo D không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 358 Bộ L tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 83/2020/HS-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để điều tra lại.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Bảo D không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp L kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng PC 10 Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND thành phố Q;
- Công an thành phố Q;
- Chi cục THA dân sự thành phố Q;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Q;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Năm